TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2024/DSPT
Ngày: 22/02/2024
V/v: "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa và bồi thường thiệt hại".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà **Phan Thị Hồng Dung**

- *Các thẩm phán*: Bà **Lê Thị Minh Trang**

Bà **Nguyễn Thị Thùy Trang**

- *Thư ký phiên tòa*: Ông **Lê Văn Ban** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên toà:* Ông **Bùi Trung Nam** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 391/2023/TLST-DS ngày 16 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa và bồi thường thiệt hại theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2024/QĐXX-ST ngày 08 tháng 01 năm 2024.

Do bản án sơ thẩm số 130/2023/DSST ngày 28/8/2023 của Tòa án nhân dân quận Cái Răng có kháng cáo, giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* **Công ty cổ phần Đ1**.

Địa chỉ: Khu V, phường T, quận C, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo pháp luật: Bà **Trần Thị Ánh N** – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

1. Bà **Phan Nguyễn Hoa T**, sinh năm 1994 (Có mặt).

2. Ông **Huỳnh N1**, sinh năm 1997 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số A, đường T, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ.

* *Bị đơn*: Ông **Huỳnh Thanh Đ**, sinh năm: 1970.

Địa chỉ: Ấp A, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông **Nguyễn N2**, sinh năm: 1952.

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Cà Mau. (Có mặt).

Người kháng cáo: Công ty cổ phần Đ1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo nội dung đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty cổ phần Đ1 và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Vào ngày 13/5/2021, giữa Công ty cổ phần Đ1 (gọi tắt là Công ty Đ1) và ông Huỳnh Thanh Đ có ký kết hợp đồng mua bán Gỗ và Củi số 13/5/HĐMB/2021. Nội dung hợp đồng, ông Đ cam kết bán cho Công ty Đ1 2.500 tấn Gỗ keo bao bì với đơn giá 1.600.000 đồng/tấn và 1.000 tấn Củi với đơn giá 570.000 đồng/tấn. Tổng cộng giá trị hợp đồng là 3.220.000.000 đồng. Thời gian giao hàng kể từ ngày 20/5/2021 cho đến khi hết số lượng. Mỗi ngày giao hàng từ 80 tấn đến 100 tấn tại Chốt cân hàng kênh 18 của Công ty Đ1. Sau khi ký kết hợp đồng, Công ty Đ1 sẽ ứng trước tiền cọc 200.000.000 đồng. Khi tiến hành giao hàng, sẽ tạm ứng trước 300.000.000 đồng được trừ dần vào mỗi ngày giao hàng và hết sẽ ứng tiếp.

Thực hiện hợp đồng, Công ty Đ1 đã ứng tiền cọc 200.000.000 đồng và ứng trước 300.000.000 đồng tiền hàng và nhận hàng, trừ dần vào mỗi ngày giao hàng đúng như nội dung điều khoản hợp đồng ký kết. Tuy nhiên, đến tháng 11/2021, ông Huỳnh Thanh Đ không giao hàng mỗi ngày mà không thông báo cũng như không nhận được sự đồng ý của Công ty Đ1.

Đến ngày 18/11/2021, Công ty Đ1 có Công văn số 18-11/TSC.21 gửi ông Đ có nội dung: "Theo số liệu kế toán tính đến ngày 17/11/2021, Công ty chúng tôi còn chuyển trước tiền cọc mua G và C cho bên ông với số tiền 123.231.320 đồng. Bằng công văn này Công ty chúng tôi đề nghị ông mỗi ngày giao hàng: Gỗ và C từ 40 đến 50 tấn tại kênh A và thanh toán bằng tiền mặt ngay khi có số lượng được qua cân và xác nhận thanh toán". Phía ông Đ đã nhận được công văn này mà vẫn không đồng ý tiếp tục thực hiện đúng hợp đồng đã ký kết.

Ngày 22/11/2021, Công ty Đ1 tiếp tục có Công văn số 22-11/TSC.21 gửi đến ông Đ thể hiện sự thiện chí thực hiện hợp đồng và yêu cầu ông Đ tiếp tục giao hàng theo hợp đồng đã ký kết. Để tạo điều kiện cho cả đôi bên trong bối cảnh dịch Covid - 19 ảnh hưởng nghiêm trọng, Công ty Đ1 đề ra giải pháp là đề nghị ký phụ lục để điều chỉnh phương thức thanh toán theo hướng "Không tạm ứng trước khoản tiền 300.000.000 đồng mà sẽ thanh toán bằng tiền mặt khi giao nhận hàng hoá theo đơn đặt hàng, tiền đặt cọc vẫn giữ nguyên số lượng ứng

trước 200.000.000 đồng". Tuy nhiên, ông Đ không có bất cứ phản hồi nào và đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng mà vẫn còn giữ lại khoản tiền 123.231.320 đồng trong số 200.000.000 đồng tiền cọc đã nhận. Cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm, Công ty Đ1 khởi kiện yêu cầu buộc ông Huỳnh Thanh Đ trả số tiền cọc đã nhận còn lại 123.231.320 đồng theo hợp đồng mua bán ký kết ngày 13/5/2021 giữa Công ty Đ1 và ông Huỳnh Thanh Đ. Còn đối với yêu cầu phản tố của ông Huỳnh Thanh Đ thì Công ty Đ1 không thống nhất.

** Theo nội dung đơn phản tố và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Huỳnh Thanh Đ và người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn trình bày:*

Vào ngày 13/5/2021, ông Huỳnh Thanh Đ và Công ty Đ1 có ký kết hợp đồng mua bán Gỗ và Củi số 13/5/HĐMB/2021 như Công ty Đ1 trình bày. Hợp đồng được bên Công ty Đ1 soạn thảo sẵn. Tại Điều 5 của hợp đồng mua bán có nêu: "Hai bên có trách nhiệm thực hiện đúng và đầy đủ điều khoản trong hợp đồng. Trong quá trình giao hàng nếu giá cả thị trường biến động bên bán không tiếp tục giao hàng sẽ bồi hoàn số tiền 400.000.000 đồng cho bên mua. Ngược lại, nếu bên mua không nhận hàng theo đúng hợp đồng sẽ mất tiền cọc". Tuy nhiên, sau khi thực hiện được 1/3 hợp đồng thì phía Công ty Đ1 không thực hiện đúng hợp đồng đã ký kết là không cho ứng tiếp số tiền 300.000.000 đồng sau khi đã trừ hết vào tiền mua hàng như đã thoả thuận trong hợp đồng. Sau khi đã trừ hết vào số tiền ứng trước, số tiền hàng mà Công ty Đ1 đã nhận là 76.768.680 đồng, Công ty Đ1 trừ vào số tiền đặt cọc 200.000.000 đồng là số tiền đảm bảo để thực hiện hợp đồng và tuyên bố không nhận hàng mà không có sự trao đổi với ông.

Ông Đ thừa nhận có nhận được Công văn số 18-11/TSC.21 ngày 18/11/2021 và Công văn số 22-11/TSC.21 ngày 22/11/2021 do Công ty Đ1 gửi và ông có ghi ý kiến phản hồi vào 02 công văn này là không thống nhất do nội dung công văn trái với hợp đồng đã ký. Do đó, đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty Đ1 thì ông Huỳnh Thanh Đ không thống nhất. Đồng thời, ông Đ có đơn phản tố yêu cầu buộc Công ty Đ1 có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho ông 200.000.000 đồng và trả lại số tiền 77.000.000 đồng mà Công ty Đ1 cân Củi và G chưa trả.

Tại phiên tòa sơ thẩm;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và ý kiến trình bày của nguyên đơn, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn chỉ yêu cầu buộc Công ty Đ1 trả lại số tiền 76.768.680 đồng mua Củi và G chưa trả. Đối với yêu cầu buộc Công ty Đ1 bồi thường thiệt hại 200.000.000 đồng thì bị đơn rút lại đối với yêu cầu phản tố này.

Tại bản án sơ thẩm số 130/2023/DSST ngày 28/8/2023 của TAND quận Cái Răng tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần Đ1 về việc yêu cầu buộc bị đơn Huỳnh Thanh Đ trả lại tiền cọc đã nhận còn lại 123.231.320 đồng theo hợp đồng mua bán hàng hóa.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn Huỳnh Thanh Đ: Buộc nguyên đơn Công ty cổ phần Đ1 thanh toán tiền mua G và Củi 76.768.680 đồng còn thiếu cho ông Huỳnh Thanh Đ.

3. Đình chỉ đối với yêu cầu phản tố của bị đơn Huỳnh Thanh Đ về việc yêu cầu buộc nguyên đơn Công ty cổ phần Đ1 bồi thường thiệt hại 200.000.000 đồng.

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

Ngày 29/8/2023 nguyên đơn Công ty CP Đ1 kháng cáo bản án sơ thẩm, cho rằng án sơ thẩm xử chưa xem xét hết các tình tiết của vụ án, đề nghị sửa bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bác yêu cầu phản tố của bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bên giữ nguyên yêu cầu.

Nhận xét và đề nghị của kiểm sát viên:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Trên cơ sở xem xét hợp đồng ký kết và ý kiến trình bày của các bên cho thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có một phần hợp lý được chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn về việc Công ty Đ1 trả số tiền 76.768.680 đồng mua Củi và G nhưng chưa thanh toán cho ông Huỳnh Thanh Đ. Đối với yêu cầu buộc Công ty Đ1 bồi thường thiệt hại 200.000.000 đồng, do người yêu cầu rút lại nên đề nghị đình chỉ đối với yêu cầu phản tố này.

Đối với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn cho thấy do quá trình thực hiện hợp đồng cả hai bên cùng có lỗi nên mỗi bên phải chịu thiệt hại của số tiền cọc. Do vậy đề nghị sửa bản án sơ thẩm ông Đ trả lại Công ty Đ1 100 triệu đồng tiền cọc, các phần khác của án sơ thẩm giữ nguyên.

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, phản tố của bị đơn, quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa và bồi thường thiệt hại. Do các bên đương sự lựa chọn Tòa án nơi nguyên đơn có trụ sở nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Cái Răng theo quy định tại khoản 3, khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và phản tố của bị đơn:

Hội đồng xét xử xét thấy, vào ngày 13/5/2021, giữa Công ty Đ1 và ông Huỳnh Thanh Đ có ký kết hợp đồng mua bán G và C. Theo nội dung của hợp đồng thể hiện, ông Huỳnh Thanh Đ (Bên B) bán cho Công ty Đ1 (Bên A) số lượng G và C 3.500 tấn với giá tiền 3.220.000.000 đồng. Thời gian giao nhận hàng được thực hiện từ ngày 20/5/2021 cho đến khi hết số lượng. Mỗi ngày giao từ 80 đến 100 tấn. Giữa hai bên còn có thỏa thuận, sau khi ký kết hợp đồng, bên mua tức Công ty Đ1 sẽ ứng trước tiền cọc 200.000.000 đồng. Khi tiến hành giao hàng, bên mua sẽ tạm ứng trước 300.000.000 đồng, số tiền này sẽ trừ dần vào mỗi ngày giao hàng và khi hết sẽ ứng tiếp.

Thực hiện hợp đồng, ông Đ tiến hành giao hàng cho Công ty Đ1. Phía ông Đ và Công ty Đ1 đều thống nhất thừa nhận số tiền hàng sau cùng mà Công ty Đ1 chưa thanh toán cho ông Đ là 76.768.680 đồng.

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn hoàn trả tiền 123.231.320 đồng sau khi trừ đi số tiền hàng 76.768.680 đồng. Bị đơn phản tố yêu cầu nguyên đơn bị mất tiền cọc và trả số tiền hàng còn nợ là 76.768.680 đồng.

[2.1] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn cho rằng nguyên đơn không có lỗi, lỗi dẫn đến không thực hiện tiếp hợp đồng là của bị đơn, đồng nghĩa với việc xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Xét thấy để xem xét lỗi dẫn đến không tiếp tục thực hiện Hợp đồng mua bán hàng hóa số 13 ngày 13/5/2021 giữa các bên cần xem xét theo các điều khoản 3,5 và 6 của Hợp đồng.

Thực tế quá trình thực hiện hợp đồng giai đoạn đầu ổn định, sau khi C1 diễn ra thì các bên không tiếp tục thực hiện, phía nguyên đơn đã có các Công văn đề nghị thay đổi ký phục lục hợp đồng đối với phía khi đó bị đơn nhận Công văn có ghi ý kiến không đồng ý. Tại Công văn số 22-11/TSC.21 ngày 22/11/2021, Công ty Đ1 gửi cho ông Huỳnh Thanh Đ có thể hiện nội dung: ***"Công ty Đ1 đề xuất ký phụ lục điều chỉnh, bổ sung điều 3 hợp đồng số 13/5/HĐMB/2021 về phương thức thanh toán không tạm ứng trước khoản tiền 300.000.000 đồng mà sẽ thanh toán bằng tiền mặt khi giao nhận hàng hóa theo đơn đặt hàng, tiền cọc vẫn giữ nguyên số lượng ứng trước 200.000.000 đồng".*** Ông Đ không thống nhất với yêu cầu này của Công ty Đ1 nên giữa hai bên không thực hiện tiếp hợp đồng mua bán đã ký kết, ông Đ đơn phương chấm dứt Hợp đồng không tiếp tục giao hàng cho nguyên đơn.

Hội đồng xét xử xét thấy, tại Điều 5 của hợp đồng có thể hiện: *"Trong quá trình giao hàng nếu giá cả thị trường biến động bên bán không tiếp tục giao hàng sẽ bồi hoàn số tiền 400.000.000 đồng cho bên mua. Ngược lại, nếu bên mua không nhận hàng theo đúng hợp đồng sẽ mất tiền cọc". Tuy nhiên bị đơn không có cung cấp được chứng cứ để chứng minh rằng có giao hàng mà nguyên đơn không nhận để chịu mất cọc, nên đây có phần lỗi của bị đơn tự ngưng cung cấp hàng.*

Căn cứ điều khoản cuối của hợp đồng số 13 ngày 13/5/2021 thì cả hai đều chưa giáp mặt để bàn bạc trao đổi thỏa thuận và không thể hiện được biên bản làm việc giữa hai bên về việc tìm biện pháp tháo gỡ khó khăn. Xét về lỗi dẫn đến không thực hiện tiếp hợp đồng là do nguyên đơn không tạm ứng tiền theo qui định , bị đơn không tiếp tục giao hàng theo các điều khoản ghi trên Hợp đồng, và các bên chưa có thỏa thuận trao đổi do vậy trường hợp này cả hai bên cùng có lỗi nên cùng gánh chịu thiệt hại, số tiền cọc 200.000.000 đồng chia đôi mỗi bên một nữa. Vì vậy yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn được chấp nhận một phần, sửa án sơ thẩm đối với phần tiền đặt cọc của hợp đồng số 13.

[2.2] Đối với số tiền hàng 76.768.680 đồng mà ông Đ phản tố yêu cầu Công ty Đ1 trả lại, phía Công ty Đ1 cũng thừa nhận chưa thanh toán số tiền này cho ông Huỳnh Thanh Đ do đã được trừ vào tiền cọc 200.000.000 đồng. Do đó, Công ty Đ1 phải có trách nhiệm trả lại số tiền hàng đã nhận mà chưa thanh toán cho ông Đ là 76.768.680 đồng là phù hợp.

[3] Đối với yêu cầu phản tố buộc Công ty Đ1 bồi thường thiệt hại 200.000.000 đồng, do bị đơn đã rút lại nên cấp sơ đình chỉ đối với yêu cầu này theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự là có căn cứ.

[4] Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên nguyên đơn và bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn được chấp nhận, nên không phải chịu án phí.

[6] Nhận xét và đề nghị của kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- *Về hình thức:* Chấp nhận đơn kháng cáo hợp lệ của nguyên đơn Công ty Cổ phần Đ1

- *Về nội dung:* Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Công ty Cổ phần Đ1.

Sửa một phần bản án sơ thẩm.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần Đ1. Buộc bị đơn Huỳnh Thanh Đ trả lại tiền cọc đã nhận là 100.000.000 đồng theo hợp đồng mua bán hàng hóa.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn Huỳnh Thanh Đ: Buộc nguyên đơn Công ty cổ phần Đ1 thanh toán tiền mua G và Củi 76.768.680 đồng còn thiếu cho ông Huỳnh Thanh Đ.

3. Đình chỉ đối với yêu cầu phản tố của bị đơn Huỳnh Thanh Đ về việc yêu cầu buộc nguyên đơn Công ty cổ phần Đ1 bồi thường thiệt hại 200.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn Công ty cổ phần Đ1 phải nộp số tiền **8.838.434 đồng** , khấu trừ số tiền 3.080.700 đồng tạm ứng án phí mà Công ty cổ phần Đ1 đã nộp theo

biên lai thu số 0008451 ngày 03/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cái Răng, thì Công ty cổ phần Đ1 phải nộp thêm số tiền **5.757.734** đồng.

Ông Huỳnh Thanh Đ phải nộp 5.000.000 đồng, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp **6.925.000** đồng theo biên lai thu số 0003230 ngày 07/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cái Răng, thì ông Đ còn được nhận lại 1.925.000 đồng.

5. Về án phí phúc thẩm: Công ty cổ phần Đ1 được nhận lại 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003409 ngày 06/9/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 22/02/2024.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(*Đã ký*)

Phan Thị Hồng Dung

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TP. Cần Thơ;
- Chi cục THADS Q.Cái Răng;
- TAND Q. Cái Răng
- Lưu hồ sơ vụ án.